TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 467/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 20-4-2022
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Bích Duyên

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Triều

Ông Phạm Văn Thanh

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Bùi Viết Nhiên – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa***: Bà Đào Thị Xuân Hồng- Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 53/2021/TLST-HNGĐ ngày 23/02/2021 về việc "Ly hôn"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 891/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự;

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hoàng T, sinh năm 1978

Địa chỉ thường trú: B Ấp B, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: H, 40 197 B, S-ro, G-si Gyeonggi-do- Hàn Quốc.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1971.

Địa chỉ thường trú: B17/20 Ấp A, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: B1/5/C2 ấp A, xã Đ, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và Bản tự khai nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hoàng T trình bày:

Tôi và ông Nguyễn Văn L đến với nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 01, Quyển số 2001, do Ủy ban nhân dân xã B, huyện B1, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11 tháng 01 năm 2001. Sau khi kết

hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2002 tôi và ông L có con chung, khi con chung được 5 tuổi thì hai người bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn không thể hòa giải, vợ chồng bà thường xuyên cãi vã. Nguyên nhân mâu thuẫn bắt nguồn từ những bất đồng về tính tình, về quan điểm sống. Nay cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn nên tôi yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn L.

Về con chung: Có 01(một) con chung Nguyễn Kiều Ngọc T1, sinh ngày 08/02/2002, con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có

Bà Nguyễn Thị Hoàng T xin được vắng mặt khi Tòa án giải quyết vụ án.

Tại Bản tự khai và Đơn xin vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Văn L trình bày: Tôi và bà Nguyễn Thị Hoàng T tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 01, Quyển số 2001, ngày 11 tháng 01 năm 2001. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc, không có sảy ra mâu thuẫn gì trong cuộc sống. Đến năm 2010 bà Nguyễn Thị Hoàng T sang Hàn Quốc sinh sống, từ năm 2010 đến năm 2016 tôi và bà T vẫn liên lạc với nhau bình thường, từ năm 2017 đến nay bà T chủ động cắt liên lạc với tôi, tôi đã nhiều lần chủ động liên lạc với bà T nhưng không được. Nay tôi xác nhận cả hai không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, cả hai đã ly thân từ năm 2017 đến nay.

Việc bà Nguyễn Thị Hoàng T nộp đơn xin ly hôn với tôi, tôi xác nhận:

Tôi đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thị Hoàng T vì hai bên sống xa cách, tình cảm không còn.

Về con chung: Có 01(một) con chung Nguyễn Kiều Ngọc T1, sinh ngày 08/02/2002, con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có

Ông Nguyễn Văn L xin được vắng mặt khi Tòa án giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về vụ án: Về tố tụng, trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo trình tự tố tụng của Bộ luật tố tụng dân sự quy định về địa vị tố tụng và đảm bảo quyền lợi cho các đương sự. Về nội dung, Kiểm sát viên phân tích yêu cầu của nguyên đơn xin ly hôn bị đơn là phù hợp và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

Bà Nguyễn Thị Hoàng T và ông Nguyễn Văn L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà T và ông L.

Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị Hoàng T và ông Nguyễn Văn L có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 01, Quyển số 2001, do Ủy ban nhân dân xã B, huyện B1, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11 tháng 01 năm 2001 nên là hôn nhân hợp pháp.

Về yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Hoàng T, Hội đồng xét xử xét thấy:

Bà Nguyễn Thị Hoàng T định cư ở Hàn Quốc. Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2002, bà T và ông L có con chung, khi con chung được 5 tuổi thì hai người bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn không thể hòa giải, vợ chồng thường xuyên cãi vã. Nguyên nhân mâu thuẫn bắt nguồn từ những bất đồng về tính tình, về quan điểm sống. Nay cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn, về phía ông Nguyễn Văn L cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T. Điều này cho thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, yêu cầu của bà T xin ly hôn ông L là có cơ sở, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về con chung: Có 01(một) con chung Nguyễn Kiều Ngọc T1, sinh ngày 08/02/2002, con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết

[3] Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Hoàng T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điều 37, Điều 147, Điều 228, Điều 273, Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 122, Điều 123 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Hoàng T và ông Nguyễn Văn L.

Giấy chứng nhận kết hôn số 01, Quyển số 2001, do Ủy ban nhân dân xã B, huyện B1, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11 tháng 01 năm 2001, cấp cho bà Nguyễn Thị Hoàng T và ông Nguyễn Văn L không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Có 01(một) con chung Nguyễn Kiều Ngọc T1, sinh ngày 08/02/2002, con chung đã trường thành, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Hội đồng xét xử không xét.

3. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xét.

4. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Hoàng T chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số AA/2019/0079557 ngày 22 tháng 6 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Bị đơn có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TPHCM;
- VKSND cấp cao tại TPHCM;
- VKSND TPHCM;
- Cục Thi hành án dân sự TPHCM;
- UBND xã B, huyện B1; TP. HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Bích Duyên

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
	Hoàng Thị Bích Duyên